TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-PT
Ngày 8 - 9 -2023
"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà
Các Thẩm phán Ông Lê Đình Nam
Ông Lưu Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:** Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS -ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 126/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Tấn Đ; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện I.

Người được ủy quyền lại: Ông Võ Văn S; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện I. (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Võ Thị Kim T1; địa chỉ: tổ D, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Rơ Mah B và bà Puih Đ1; địa chỉ: Làng D, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Rơ Mah B và bà P Đang là ông Thái Quốc T2 – Luật sư Cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. (có mặt)

4. *Người phiên dịch*: Ông Rơ Mah R (có mặt)

5.Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Rơ Mah B và bà Puih Đ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho Võ Thị Kim T1 vay số tiền 200.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 3946/2016/HĐTD ngày 24/11/2016 với thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm (tại thời điểm vay). Để đảm bảo khoản vay trên, giữa Ngân hàng với bị đơn có giao kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 601116/HĐTC ngày 23/11/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản găn liền với đất đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 25; tờ bản đồ số 153, địa chỉ xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo giấy CNQSD đất số AP 740622 do UBND huyện I cấp ngày 31/8/2009. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Võ Thị Kim T1 chỉ trả được 10.055.557đ tiền lãi trong hạn đến ngày 24/5/2017, do đó kể từ ngày từ ngày 25/5/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay nói trên của bị đơn thành nợ quá hạn.

Nay nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán tiền gốc là 200.000.000đ, nợ lãi trong hạn còn lại là 10.388.889đ, lãi quá hạn tính đến ngày 21/4/2023 là 162.038.812đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 372.427.701đ. Nếu bị đơn không trả nợ đầy đủ thì đề nghị Toà án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, bị đơn phải trả lại cho Ngân hàng 4.000.000đ chi phí xem xét thẩm định và phải chịu án phí.

2. *Bị đơn là bà Võ Thị Kim T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do, không có văn bản trình bày gửi cho Tòa án.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Rơ Mah B và bà Puih Đ2 và người bảo vệ quyền và lợi ích của ông B, bà Đ2 là Luật sư T2 trình bày:

Trước đây bà T1 có thuê đất của ông B và bà Đ2 để mở quán buôn bán hàng tạp hoá. Năm 2016 ông B và bà Đ2 cần vay số tiền 50.000.000đ để làm ăn. Bà T1 nói ông B và bà Đ2 có thửa đất nào đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T1 có thể giúp vay tiền. Sau đó bà T1 yêu cầu ông B và bà Đ2 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục vay tiền; bà T1 yêu cầu ông B và Đ2 ký vào một số văn bản, giấy tờ do bà T1 chuẩn bị trước rồi sau đó đưa cho ông B và bà Đ2 30.000.000đ, trừ 20.000.000đ tiền lãi. Trên thực tế, ông B và bà Đ2 không thoả thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T1 và cũng không hề biết các văn bản, giấy tờ khi và T1 đưa điểm chỉ. Ông B và bà Đ2 không nhờ bà T1 đứng ra vay vốn Ngân hàng và cũng không biết bà T1 sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền Ngân hàng. Do đó, hành vi của bà T1 đã có dấu hiệu tội phạm, đề nghị Toà án triệu tập Công chứng viên công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T1 với ông B và bà Đ2 để làm rõ, đồng thời đề nghị chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Rơ Mah B và bà Puih Đ2 nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không bổ sung gì thêm.

4.Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS -ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

-Buộc bà Võ Thị Kim T1 phải trả cho Ngân hàng N tiền nợ gốc 200.000.000đ, nợ lãi trong hạn còn lại là 10.388.889đ, lãi quá hạn tính đến ngày 21/4/2023 là 162.038.812đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 372.427.701đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/4/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

-Trong trường hợp bà Võ Thị Kim T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 153, địa chỉ xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo giấy CNQSD đất số AP 740622 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 31/8/2009.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền thoả thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/04/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông B, bà Đ2 kháng cáo yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan cảnh sát điều tra để điều tra làm rõ hành vi của bà Võ Thị Kim T1 có dấu hiệu của tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" đối với tài sản của ông B, bà Đ2.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định về việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo như sau:

1. Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Kim T1 trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà bà T1 đã ký kết ngày 24-11-2016. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hội nợ. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự để xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 3946/2016/HĐTD ngày 24-11-2016. Thấy rằng, nội dung và hình thức của hợp đồng đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực giữa các bên. Đến hạn đóng tiền lãi bà T1 đã không thực hiện là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T1 phải trả tiền gốc và tiền lãi (tính đến ngày 21-4-2023) là 372.427.701 đồng phù hợp với hợp đồng và quy định của pháp luật.

3. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì thấy rằng Hợp đồng thế châp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 311219/HĐTC ngày 17-12-2019 có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo đúng trình tự thủ tục. Vì vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

4. Ông B, bà Đ2 cho rằng họ không hề bán đất cho bà T1 việc bà T1 làm hợp đồng chuyển nhượng và thế chấp vay tiền ở ngân hàng là có dấu hiệu của tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" cần phải chuyển hồ sơ sang Cơ quan cảnh sát điều tra để điều tra làm rõ hành vi của bà T1. Thấy rằng, ở giai đoạn sơ thẩm, tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết tin báo tội phạm của ông B, bà Đ2.

Ngày 9-7-2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện I đã ra Quyết định số 16/QĐ-KKT về việc không khởi tố vụ án hình sự đối với ông vụ ông B, bà Đ2 tố giác bà T1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra vào năm 2016 tại xã I, huyện I, tỉnh

Gia Lai. Tại Công văn số 58/BC-ĐTTH ngày 9-1-2023 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện I đã cung cấp kết quả giải quyết vụ việc với nội dung: "*Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1057, quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 1-11-2016 thì ông Rơ Mag B1 và Bà Puih Đ2 đã tự nguyện chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho bà Võ Thị Kim T1, có chữ ký của Công chứng viên, được phiên dịch và chứng kiến theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định, không có dấu hiệu lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép trong quá trình thực hiện hợp đồng…*".

Tại biên bản xác minh (bút lục số 197) ngày 16-12-2022, Công chứng viên là bà Dương Thị Thùy T3 thuộc văn phòng C đã cung cấp thông tin cho biết trước khi công chứng thì có mời người phiên dịch là ông Ksor H để phiên dịch lại toàn bộ nội dung hợp đồng chuyển nhượng cho ông B1, bà Đ2 biết. Tại biên bản xác minh (bút lục số 209) ông Ksor H đã khẳng định là đã phiên dịch lại toàn bộ nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông đã hỏi lại ông B1, bà Đ2 về việc chuyển nhượng thửa đất. Ông B1, bà Đ2 xác định đã hiểu rõ nội dung của hợp đồng chuyển nhượng này 1-11-2016.

Từ những lời khai, công văn nêu trên thấy rằng việc ông B1, bà Đ2 cho rằng mình không hề chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà T3 là không phù hợp với lời khai, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Do đó, kháng cáo của ông B1, bà Đ2 yêu cầu chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra là không có căn cứ vì đã có quyết định về việc không khởi tố vụ án hình sự đối với đơn tố cáo của ông B1, bà Đ2 về hành vi của bà T3.

6. Từ các đánh giá và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

7.Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Rơ Mah B và bà Puih Đ1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS -ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1.1. Buộc bà Võ Thị Kim T1 phải trả cho Ngân hàng N tiền nợ gốc 200.000.000đ, nợ lãi trong hạn còn lại là 10.388.889đ, lãi quá hạn tính đến ngày 21/4/2023 là 162.038.812đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 372.427.701đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Võ Thị Kim T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Võ Thị Kim T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

1.2. Trong trường hợp bà Võ Thị Kim T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 153, địa chỉ xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo giấy CNQSD đất số AP 740622 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 31/8/2009.

1.3. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị Kim T1 phải hoàn trả cho Ngân hàng N 3.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Kim T1 phải chịu 18.621.385đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền đã tạm nộp là 7.739.178 đồng theo biên lai thu số 0006075 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Rơ Mah B và bà P Đang phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008874 ngày 5-5-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia lai. Ông B, bà Đ1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Gia Lai;*
- *TAND huyện I ;*
- *VKSND huyện I;*
- *Chi cục THA dân sự huyện I;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Toà DS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Lê Văn Hà